

Số: **14** /QĐ-HĐND

Hà Nội, ngày **14** tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Đoàn giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố về Chương trình giám sát của HĐND Thành phố năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát của Thường trực HĐND Thành phố về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay (Có danh sách thành viên Đoàn giám sát kèm theo).

Điều 2. Đoàn giám sát, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện kế hoạch giám sát ban hành kèm theo Quyết định này, thông báo kết luận giám sát tới các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan theo quy định, báo cáo kết quả giám sát với HĐND Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND Thành phố, thành viên Đoàn giám sát có tên tại Điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

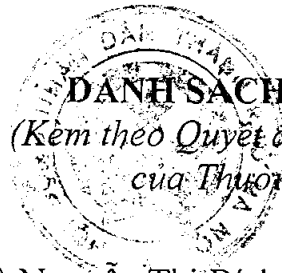
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy (dê b/c);
- TT HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các sở: LĐTB&XH, NNPTNT, TC, Nội Vụ, CT, TTTT, GDĐT, KHĐT;
- Ban Quản lý Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội; Ban Dân tộc Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Đài PTTH Hà Nội, Báo: HNM, KTĐT, ĐBND, Phân xã HN, Cổng GTĐT;
- Các VP: HĐND, UBND TP;
- Các phòng: TH, HC-TC-QT;
- Lưu: VT, TH_N.

TM. THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc



DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-HĐND, ngày 14/5/2020
của Thường trực HĐND thành phố Hà Nội)

1. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố, Trưởng đoàn;
2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Thường trực HĐND Thành phố, Phó Trưởng đoàn;
3. Bà Phùng Thị Hồng Hà - Thành ủy viên, Phó Chủ tịch HĐND Thành phố, Phó Trưởng đoàn;
4. Bà Nguyễn Thị Tuyền - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Dân vận Thành ủy Hà Nội, Thành viên Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố;
5. Bà Lê Thị Thu Hằng - Thành ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phúc Thọ, Thành viên Ban Văn hóa Xã hội HĐND Thành phố;
6. Ông Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên Thường trực, Trưởng Ban Văn hóa-Xã hội HĐND Thành phố;
7. Ông Lê Minh Đức - Ủy viên Thường trực, Chánh Văn phòng HĐND Thành phố, Thành viên Ban Kinh tế Ngân sách HĐND Thành phố;
8. Bà Hồ Vân Nga - Ủy viên Thường trực, Trưởng Ban Kinh tế Ngân sách HĐND Thành phố;
9. Ông Nguyễn Nguyên Quân - Ủy viên Thường trực, Trưởng Ban Đô thị HĐND Thành phố;
10. Bà Dương Thị Hằng - Phó chủ tịch Thường trực Hội Nông dân Thành phố, Thành viên Ban Kinh tế Ngân sách HĐND Thành phố;
11. Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Phó Chủ tịch MTTQVN Thành phố, Thành viên Ban Pháp chế HĐND Thành phố;
12. Ông Nguyễn Việt Phương - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Thanh Trì, Thành viên Ban Đô Thị;
13. Ông Duy Hoàng Dương - Phó trưởng Ban, phụ trách ban Pháp chế HĐND Thành phố;
14. Ông Nguyễn Quang Thắng - Phó Trưởng Ban Văn hóa-Xã hội HĐND Thành phố;
15. Bà Hoàng Thị Tú Anh - Phó Trưởng Ban Văn hóa-Xã hội HĐND Thành phố;
16. Ông Đoàn Việt Cường - Phó Trưởng Ban Đô thị HĐND Thành phố;
17. Bà Hoàng Thị Thúy Hằng - Phó Trưởng Ban Đô thị HĐND Thành phố;
18. Ông Vũ Ngọc Anh - Phó Trưởng Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND Thành phố;

19. Ông Nguyễn Minh Tuấn- Phó Trưởng Ban Kinh tế -Ngân sách HĐND Thành phố;

20. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Phó Trưởng Ban Pháp chế HĐND Thành phố;

21. Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Việt Phúc, Phó Chủ tịch Hội nữ doanh nhân Hà Nội, Thành viên Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố;

22. Bà Phạm Thị Thanh Hương -Trưởng phòng Tổng hợp Văn phòng HĐND Thành phố, Thành viên Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố.



KẾ HOẠCH

**Giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật
về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn
trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay**
(Kèm theo Quyết định số **14**/QĐ-HĐND ngày **14/5/2020**
của Thường trực HĐND thành phố Hà Nội)

Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố về Chương trình giám sát năm 2020, Thường trực HĐND Thành phố tổ chức đoàn giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay.

2. Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và xác định nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức liên quan.

3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp đối với công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trong giai đoạn tiếp theo.

4. Báo cáo kết quả giám sát với HĐND Thành phố.

II. NỘI DUNG, PHẠM VI, HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Nội dung và phạm vi giám sát

Giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (gửi kèm đề cương báo cáo).

2. Hình thức giám sát: Giám sát trực tiếp và giám sát qua báo cáo.

3. Đối tượng giám sát

- UBND Thành phố Hà Nội;

- Các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội;

- UBND các huyện, thị xã;

- UBND các quận có công tác đào tạo nghề cho lao động từ năm 2016 đến nay;

- Các đơn vị tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

III. THÀNH PHẦN ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Thành viên Đoàn giám sát (*theo Quyết định thành lập Đoàn giám sát*)

2. Đại biểu mời dự:

- Đại diện lãnh đạo: Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Hội nông dân Thành phố; Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội; Hội liên hiệp Phụ nữ Hà Nội; Văn phòng HĐND Thành phố; Văn phòng UBND Thành phố; Thường trực HĐND quận, huyện, thị xã và đại diện Tổ đại biểu HĐND Thành phố ứng cử tại địa phương Đoàn đến giám sát.

- Đại diện lãnh đạo các Sở, Ngành: Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Nội vụ; Công thương; Tài chính; Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội;

- Một số cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương và địa phương.

IV. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian giám sát trực tiếp: Dự kiến cuối tháng 5 và đầu tháng 6/2020 (*Lịch làm việc cụ thể của Đoàn giám sát có thông báo sau*).

2. Địa điểm: Tại trụ sở đơn vị Đoàn đến giám sát trực tiếp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Đoàn giám sát có trách nhiệm bố trí thời gian để tham gia đầy đủ các buổi làm việc của Đoàn theo kế hoạch, chủ động nghiên cứu tài liệu và tham gia ý kiến tại các buổi làm việc.

2. Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố là bộ phận thường trực, tham mưu giúp Đoàn giám sát triển khai các nội dung và tổng hợp kết quả giám sát.

3. Văn phòng HĐND Thành phố mời các đại biểu tham dự các buổi làm việc của đoàn giám sát; phân công cán bộ, chuyên viên phục vụ, tổng hợp nội dung các buổi làm việc, bố trí phương tiện và đảm bảo các điều kiện hoạt động của Đoàn giám sát theo quy định.

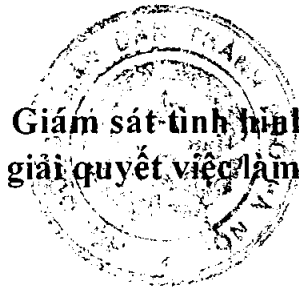
4. Giám đốc các Sở, thủ trưởng các đơn vị, chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng báo cáo đảm bảo chất lượng và thời gian theo yêu cầu (*theo đề*

ương gửi kèm theo kế hoạch này), bố trí địa điểm làm việc theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

5. Báo cáo gửi về Thường trực HĐND Thành phố và Ban Văn hóa Xã hội HĐND Thành phố trước ngày **25/5/2020** để gửi thành viên Đoàn giám sát theo quy định. Ngoài việc gửi báo cáo chính thức bằng văn bản, đề nghị gửi kèm theo file báo cáo (bản scan pdf và bản mềm định dạng doc, docx, xls, xlsx) qua hòm thư nguyentrungnam_vpqhhd@hanoi.gov.vn. Thông tin liên hệ chi tiết: đồng chí Nguyễn Trung Nam- Chuyên viên Phòng Tổng hợp, Văn phòng HĐND Thành phố, số điện thoại: 097.349. 6611.

Thường trực HĐND Thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị tài liệu, chủ động phối hợp để Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ./.

THƯỜNG TRỰC HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay

(Đối với UBND Thành phố)

I. Công tác chỉ đạo

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện chính sách hỗ trợ và đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xây dựng và phê duyệt đề án đào tạo nghề và các văn bản hướng dẫn tổ chức hiện.

3. Quy hoạch các cơ sở dạy nghề đến năm 2020, việc phát triển mạng lưới các trung tâm dạy nghề cấp huyện, xây dựng kế hoạch hàng năm.

4. Các cơ chế, chính sách đào tạo nghề và việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố *(đối với người học, đối với giáo viên, giảng viên; đối với cơ sở dạy nghề; chính sách tín dụng sau đào tạo...)*; Công tác xã hội hóa; thu hút các cơ sở dạy nghề tham gia hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn;

5. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã hàng năm;

6. Tổng kinh phí chi cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo từng năm *(Ngân sách Thành phố; ngân sách quận, huyện; nguồn khác...)*.

II. Kết quả thực hiện

1. Các mục tiêu, chỉ tiêu về đào tạo và việc làm

- Mục tiêu kế hoạch đến năm 2020.

- Kết quả thực hiện từ năm 2016 đến nay.

+ Kết quả đào tạo nghề cho các đối tượng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg *(trong đó nêu rõ số người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, người có thu nhập bằng 150% hộ nghèo, dân tộc thiểu số, số lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế...)* (thống kê theo biểu phụ lục kèm theo)

+ Các mô hình thí điểm dạy nghề cho lao động nông thôn theo phương thức đặt hàng.

+ Số người có việc làm sau đào tạo nghề hàng năm *(bố trí việc làm, cho vay vốn, liên hệ các đơn vị bao tiêu sản phẩm...)*.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp

2.1. Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về học nghề, truyền nghề, nhân cấy nghề; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động tham gia học nghề đối với lao động nông thôn.

2.2. Kết quả điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn.

2.3. Kết quả phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo (Trong đó làm rõ việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị; phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề; phát triển giáo viên) đối với các cơ sở dạy nghề công lập, ngoài công lập của Thành phố và cán bộ quản lý dạy nghề.

2.4. Công tác phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, kiểm tra, giám sát, các đơn vị doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn Thành phố triển khai thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thành phố;

2.5. Đánh giá chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã hàng năm.

2.6. Đánh giá hiệu quả tác động của các chính sách đối với đời sống người lao động với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố và từng địa phương;

III. Những hạn chế khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

1. Hạn chế khó khăn, vướng mắc

2. Nguyên nhân

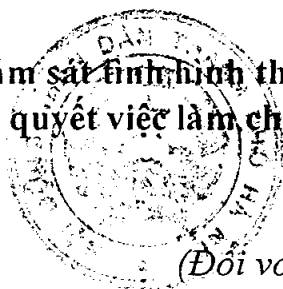
- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

IV. Các giải pháp đối với công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trong giai đoạn tiếp theo.

V. Đề xuất, kiến nghị (với Trung ương, HĐND Thành phố).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
**Giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề,
giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội
giai đoạn từ năm 2016 đến nay**



(Đối với Sở Lao động Thương binh và Xã hội)

I. Công tác tham mưu UBND Thành phố

1. Ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện chính sách hỗ trợ và đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xây dựng và phê duyệt đề án đào tạo nghề và các văn bản hướng dẫn tổ chức hiện.

3. Quy hoạch các cơ sở dạy nghề đến năm 2020, xây dựng kế hoạch hàng năm.

4. Các cơ chế, chính sách đào tạo nghề và việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố (đối với người học, đối với giáo viên, giảng viên; đối với cơ sở dạy nghề; chính sách tín dụng sau đào tạo...);

5. Tổng kinh phí chi cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo từng năm (Ngân sách Thành phố; ngân sách quận, huyện; nguồn khác...).

II. Kết quả thực hiện

1. Các mục tiêu, chỉ tiêu về đào tạo và việc làm

- Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020.

- Kết quả thực hiện từ năm 2016 đến nay.

+ Kết quả đào tạo nghề cho các đối tượng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg (trong đó nêu rõ số người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, người có thu nhập bằng 150% hộ nghèo, dân tộc thiểu số, số lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế...) (thống kê theo biểu phụ lục kèm theo)

+ Các mô hình thí điểm dạy nghề cho lao động nông thôn theo phương thức đặt hàng.

+ Số người có việc làm sau đào tạo nghề hàng năm (bố trí việc làm, cho vay vốn, liên hệ các đơn vị bao tiêu sản phẩm...).

2. Kết quả thực hiện các giải pháp

2.1. Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về học nghề, truyền nghề, nhân cấy nghề; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động tham gia học nghề đối với lao động nông thôn.

2.2. Kết quả điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn.

2.3. Phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo, trọng tâm làm rõ việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị; phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng

danh mục thiết bị dạy nghề; phát triển giáo viên đối với các cơ sở dạy nghề công lập của Thành phố và cán bộ quản lý dạy nghề.

2.4. Công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn Thành phố triển khai thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thành phố;

2.5. Đánh giá hiệu quả tác động của các chính sách đối với đời sống người lao động với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố và từng địa phương.

III. Những hạn chế, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

1. Hạn chế, khó khăn và vướng mắc.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

3. Giải pháp

IV. Đề xuất, kiến nghị (với Trung ương, Thành phố).



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
**Giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về đào tạo nghề,
giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội
giai đoạn từ năm 2016 đến nay**

(Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công thương)

I. Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn

1. Công tác tham mưu giúp Thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về học nghề, truyền nghề, nhân cây nghề; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động tham gia học nghề đối với lao động nông thôn.

3. Kết quả điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn; phối hợp với các sở, ngành có liên quan lập kế hoạch đào tạo nghề theo chương trình khuyến công, khuyến nông; cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho người lao động.

4. Kết quả đào tạo nghề cho các đối tượng của Quyết định 1956/QĐ-TTg (*trong đó nêu rõ số người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, người có thu nhập bằng 150% hộ nghèo, dân tộc thiểu số, số lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế*)(*biểu phụ lục kèm theo*); Số người có việc làm sau đào tạo hàng năm.

5. Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thành phố.

6. Đánh giá hiệu quả tác động của các chính sách đối với đời sống người lao động với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố và từng địa phương.

II. Những hạn chế, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

1. Hạn chế, khó khăn và vướng mắc.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

3. Giải pháp

III. Đề xuất, kiến nghị (với Trung ương, Thành phố)



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay

(Đối với Sở Nội vụ)

1. Công tác tham mưu giúp UBND Thành phố ban hành các chính sách, các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg của Chính phủ

2. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, công chức xã phường.

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho các đối tượng của Quyết định 1956/QĐ-TTg; Việc bố trí biên chế chuyên trách về công tác dạy nghề tại UBND cấp huyện *(thống kê theo biểu phụ lục kèm theo)*:

- Nguồn kinh phí đào tạo nghề theo từng năm *((Ngân sách Thành phố; ngân sách quận, huyện; nguồn khác...))*;

- Công tác phối hợp với các sở, ngành, các cấp chính quyền có liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã trên địa bàn Thành phố thuộc trách nhiệm theo quy định;

- Đánh giá chung công tác đào tạo nghề đối với đối tượng thuộc trách nhiệm của Sở;

3. Những hạn chế, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

1. Hạn chế, khó khăn và vướng mắc.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

3. Giải pháp

4. Đề xuất, kiến nghị (với Trung ương, Thành phố).



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay

(Đối với UBND cấp huyện)

I. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thành phố.

- Công tác phổ biến, quán triệt và ban hành các văn bản chỉ đạo, các văn bản tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn.

- Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề (Hình thức tuyên truyền, nội dung tuyên truyền; tư vấn học nghề, việc làm, lồng ghép giữa dạy nghề với thông tin tuyên truyền tư vấn việc làm).

- Tình hình quản lý sử dụng kinh phí, việc thực hiện các quy định của Nhà nước về tài chính trong lĩnh vực đào tạo nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg; tổng kinh phí đào tạo nghề theo từng năm (*Ngân sách Thành phố; ngân sách quận, huyện; nguồn khác...*). (*thống kê theo biểu phụ lục đính kèm*).

II. Kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn

1. Các mục tiêu, chỉ tiêu về đào tạo nghề

- Kết quả thực hiện từ năm 2016 đến nay.

+ Kết quả đào tạo nghề cho các đối tượng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg (*trong đó nêu rõ số người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, người có thu nhập bằng 150% hộ nghèo, dân tộc thiểu số, số lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế...*) (*thống kê theo biểu phụ lục kèm theo*)

+ Số mô hình thí điểm dạy nghề cho lao động nông thôn theo phương thức đặt hàng.

+ Số người có việc làm sau đào tạo nghề hàng năm (*bổ trí việc làm, cho vay vốn, liên hệ các đơn vị bao tiêu sản phẩm...*).

2. Kết quả thực hiện các giải pháp

2.1. Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về học nghề, truyền nghề, nhân cấy nghề; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động tham gia học nghề đối với lao động nông thôn.

2.2. Kết quả điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn. Các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn. (*Chi tiết đối tượng được hưởng chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có thu nhập bằng 150% hộ nghèo, dân tộc thiểu số, số lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác...*) và kế hoạch dạy nghề

hàng năm của địa phương; xác định danh mục nghề đào tạo; xác nhận các đối tượng tham gia học nghề.

2.3. Chính sách hỗ trợ đối với người học nghề, kinh phí đầu tư đào tạo nghề cho người lao động. (*Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ; kinh phí hỗ trợ dạy nghề, chính sách tín dụng sau khi học nghề...*)

2.4. Công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp triển khai thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thành phố;

2.5. Các giải pháp khác có liên quan.

3. Đánh giá hiệu quả và tác động của các chính sách đối với đời sống người lao động:

- Số lượng học viên tham gia học nghề, chất lượng dạy nghề và kỹ năng hành nghề sau đào tạo.

- Số lao động sau khi học nghề có việc làm theo ngành nghề đào tạo, không có việc làm hoặc làm không đúng ngành nghề được đào tạo.

- Mức độ tăng thu nhập, ổn định việc làm và nâng cao đời sống người lao động.

III. Những hạn chế, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

1. Hạn chế, khó khăn và vướng mắc.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

3. Giải pháp

IV. Đề xuất, kiến nghị (với Trung ương, Thành phố).

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

TT	Nội dung	Năm					TỔNG CỘNG
		2016	2017	2018	2019	Đến tháng 5/2020	
1	Các văn bản xây dựng hướng dẫn trong năm						
2	Danh mục đào tạo nghề						
3	Số lần kiểm tra, giám sát						
4	Tổng số lao động đã được đào tạo:						
	<i>Theo nghề đào tạo</i>						
	- Nghề Nông nghiệp						
	- Nghề Phi Nông nghiệp						
	<i>Theo đối tượng đào tạo</i>						
	- Cá nhân thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách:						
	- Cá nhân thuộc đối tượng dân tộc thiểu số						
	- Cá nhân thuộc hộ cận nghèo:						
	- Đối tượng khác						
	- Cán bộ, công chức cấp xã						
	- Giáo viên, người hướng dẫn được đào tạo						
5	Số lao động học nghề được doanh nghiệp tuyển dụng sau đào tạo						
	<i>Theo nghề đào tạo</i>						
	- Nghề Nông nghiệp						
	- Nghề Phi Nông nghiệp						
	<i>Theo đối tượng đào tạo</i>						
	- Cá nhân thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách:						
	- Cá nhân thuộc đối tượng dân tộc thiểu số						
	- Cá nhân thuộc hộ cận nghèo:						
	- Đối tượng khác						
	- Tỷ lệ làm đúng theo ngành nghề được đào tạo						
6	Số lao động học nghề được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm						
	<i>Theo nghề đào tạo</i>						
	- Nghề Nông nghiệp						
	- Nghề Phi Nông nghiệp						
	<i>Theo đối tượng đào tạo</i>						
	- Cá nhân thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách:						
	- Cá nhân thuộc đối tượng dân tộc thiểu số						
	- Cá nhân thuộc hộ cận nghèo:						
	- Đối tượng khác						
	- Tỷ lệ làm đúng theo ngành nghề được đào tạo						
7	Số lao động học nghề tự tạo việc làm						
8	Số đơn vị đăng ký đào tạo nghề						
9	Số đơn vị đăng ký bao tiêu sản phẩm, tuyển dụng						
	- Nghề Nông nghiệp						
	- Nghề Phi Nông nghiệp						
10	Số hộ thoát nghèo sau khi được đào tạo nghề						

TT	Nội dung	Năm				Đến tháng 5/2020	TỔNG CỘNG
		2016	2017	2018	2019		
11	Nguồn kinh phí đào tạo						
	- Ngân sách Thành phố						
	- Ngân sách địa phương, nguồn khác						
12	Số hộ gia đình được vay vốn						
13	Tỷ lệ lao động chuyên đổi từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp						
14	Số hộ gia đình tham gia học nghề chuyển thành hộ khá theo tiêu chí tại Quyết định số 491/QĐ-TTg						

